

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huỳnh

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 (LT) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 395/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ trụ sở: 266 - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh (266 - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1988.

+ Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1984.

+ Ông Đào Trọng T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 7 P, Khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai (787-789 Phạm Văn T1, Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá D1, sinh năm 1979.

Bà Nguyễn Thị Bích D2, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ H, Khu A, xã B (xã L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.
(Ông Đ có mặt, ông D1, bà D2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (viết tắt S1) do ông Phạm Quang Đ đại diện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích D2 và ông Nguyễn Bá D1 đã vay vốn tại S1 theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121 ngày 13/10/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121/01 ngày 06/5/2024 với số tiền vay là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) dư nợ tại thời điểm khởi kiện là 2.300.000.000 đồng và lãi quá hạn cùng dư nợ thẻ tín dụng ông D1 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 030220232 ngày 03/02/2023, dư nợ thẻ tín dụng của bà D2 theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 14082024 ngày 14/8/2024.

Để bảo đảm cho khoản vay ông D1 ký thế chấp để vay vốn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 07/02/2023 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1132, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 045302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2022.

S1 đã nhiều lần làm việc với ông D1, bà D2 để tìm phương án trả nợ nhưng các phương án trả nợ đều không đạt kết quả và ông bà đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông D1, bà D2 thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 14/9/2025 gồm: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số tiền 2.509.872.615 đồng, trong đó, số tiền gốc: 2.300.000.000 đồng, lãi quá hạn: 209.872.615 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng ông D1: 921.779.446 đồng, trong đó, nợ gốc 499.984.000 đồng, lãi quá hạn: 421.795.446 đồng và dư nợ thẻ tín dụng bà D2: 95.651.892 đồng, trong đó, nợ gốc: 76.278.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.373.892 đồng. Tổng cộng: 3.527.303.953 đồng.

Yêu cầu ông D1, bà D2 thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký.

Trường hợp ông D1, bà D2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc lãi cho ngân hàng thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1132, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nay là xã B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 045302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2022 bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng được dùng để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bị đơn ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 vắng mặt.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 14/01/2025; Căn cước công dân, thông tin căn cước công dân của bà D2 và Căn cước công dân của ông D1; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202226872313 ngày 30/01/2023, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202226872313/01 ngày 07/02/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1510/TC-01 ngày 13/10/2023; Phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 07/02/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1510/TC ngày 30/01/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121/01 ngày 06/5/2024; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121 ngày 13/10/2023; Báo cáo định giá bất động sản ngày 24/10/2022; Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của bà D2; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân của ông Nguyễn Bá D1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 045302; Hồ sơ pháp nhân và thừa tục ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Bản tự khai ngày 18/7/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi 17/7/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê tín dụng 18/7/2025 bà D2, của ông D1 ngày 18/7/2025; ngày 05/8/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi 04/8/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê tín dụng 05/8/2025 bà D2, của ông D1 ngày 04/8/2025; bản tự khai ngày 20/6/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi 19/6/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê tín dụng 20/6/2025 bà D2, của ông D1 ngày 20/6/2025; bản tự khai ngày 27/5/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi 26/5/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê tín dụng 27/5/2025 bà D2, của ông D1 ngày 27/5/2025, bảng tự khai ngày 01/4/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi 31/3/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê tín dụng 31/3/2025 bà D2, của ông D1 ngày 31/3/2025; Căn cước ông D1; Đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ này 24/3/2025; Giấy ủy quyền ngày 23/5/2025; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2025, hóa đơn giá trị gia tăng; Phiếu yêu cầu xác minh ngày 07/5/2025; bản tự khai ngày 15/9/2025, bảng chi tiết tính vốn lãi ngày 14/9/2025 của bà D2, ông D1, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng của ông D1 ngày 15/9/2025, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng của bà D2 ngày 15/9/2025.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ chưa thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121 ngày 13/10/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121/01 ngày 06/5/2024 với số tiền vay là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) giữa Ngân hàng TMCP S (viết tắt S1) và ông D1, bà D2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Ngoài ra, ông D1, bà D2 còn đăng ký mở thẻ tín dụng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc đăng ký mở thẻ tín dụng và phát hành thẻ tín dụng đã được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận ký kết, giải thích việc sử dụng và thanh toán, các khoản phí vượt hạn mức, phạt lãi để hiểu và sử dụng cũng như chịu trách nhiệm thanh toán.

Do đó, S1 khởi kiện yêu cầu ông D1, bà D2 thanh toán là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của S1. Buộc ông D1, bà D2 phải trả cho S1 số tiền nợ phát sinh số tiền tạm tính đến ngày 14/9/2025 gồm: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số tiền 2.509.872.615 đồng, trong đó, số tiền gốc: 2.300.000.000 đồng, lãi quá hạn: 209.872.615 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng ông D1: 921.779.446 đồng, trong đó, nợ gốc 499.984.000 đồng, lãi quá hạn: 421.795.446 đồng và dư nợ thẻ tín dụng bà D2: 95.651.892 đồng, trong đó, nợ gốc: 76.278.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.373.892 đồng. Tổng cộng: 3.527.303.953 đồng. Tiền lãi phát sinh tiếp theo yêu cầu của S1 đến khi ông D1, bà D2 thanh toán xong khoản nợ.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay, S1 và ông D1 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 07/02/2023 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1132, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 045302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2022.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đưa tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 vào đảm bảo thi hành án trong trường hợp bị đơn không thanh toán, thanh toán không đầy đủ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 nhưng ông D1, bà D2 vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D1, bà D2.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121 ngày 13/10/2023, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121/01 ngày 06/5/2024 với số tiền vay là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) giữa S2 và ông D1, bà D2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài ra, ông D1 còn đăng ký mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 030220232 ngày 03/02/2023, bà D2 đăng ký mở thẻ tín dụng theo

Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 14082024 ngày 14/8/2024. Việc đăng ký mở thẻ tín dụng và phát hành thẻ tín dụng đã được Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận ký kết, giải thích việc sử dụng và thanh toán, các khoản phí vượt hạn mức, phạt lãi để hiểu và sử dụng cũng như chịu trách nhiệm thanh toán, ông D1, bà D2 cũng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ các hợp đồng và việc đăng ký mở thẻ tín dụng của ông D1, bà D2 cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mời ông D1, bà D2 làm việc, hòa giải và xét xử, tuy nhiên, ông bà không tham gia cũng không gửi ý kiến phản hồi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông D1, bà D2 thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng và đăng ký mở thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 14/9/2025 là 3.527.303.953 đồng.

Gồm: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số tiền 2.509.872.615 đồng, trong đó, số tiền gốc: 2.300.000.000 đồng, lãi quá hạn: 209.872.615 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng ông D1: 921.779.446 đồng, trong đó, nợ gốc 499.984.000 đồng, lãi quá hạn: 421.795.446 đồng và dư nợ thẻ tín dụng bà D2: 95.651.892 đồng, trong đó, nợ gốc: 76.278.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.373.892 đồng.

Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đã ký cho đến khi ông D1, bà D2 trả xong nợ.

Tổng cộng số tiền các khoản vay ông D1, bà D2 phải thanh toán gốc và lãi tạm tính đến ngày 14/9/2025 là 3.527.303.953 đồng, trong đó gốc: 2.876.262.000 đồng và lãi 651.041.953 đồng.

Ông D1, bà D2 phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 15/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay, S1 và ông D1 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 07/02/2023 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1132, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 045302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2022.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đưa tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 vào đảm bảo thi hành án trong trường hợp bị đơn không thanh toán, thanh toán không đầy đủ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D1, bà D2 phải chịu 102.546.079 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.784.000 đồng theo biên lai số 0014697 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Về chi phí tố tụng: Ông D1, bà D2 phải chịu lệ phí thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ 900.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp số tiền này nên ông D1, bà D2 có trách nhiệm hoàn trả nguyên đơn 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 303, 304, 323, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 100, 103, 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2.

Buộc ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 2.876.262.000 đồng và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 14/9/2025 là 651.041.953 đồng, tổng cộng 3.527.303.953 đồng (ba tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu ba trăm lẻ ba ngàn chín trăm năm mươi ba đồng).

Ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 202327236121 ngày 13/10/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 030220232 ngày 03/02/2023 và Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 14082024 ngày 14/8/2024 đã ký kết kể từ ngày 15/9/2025 cho đến ngày ông D1, bà D2 thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 không thanh toán, thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC ngày 07/02/2023 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 1525/TC-01 ngày 13/10/2023 được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 07/02/2023 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 1132, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 045302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2022.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D1, bà D2 phải chịu 102.546.079 đồng (một trăm lẻ hai triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.784.000 đồng theo biên lai số 0014697 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Về chi phí tố tụng: Ông D1, bà D2 phải chịu lệ phí thực hiện thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ 900.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp số tiền này nên ông D1, bà D2 có trách nhiệm hoàn trả nguyên đơn 900.000 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 chưa thi hành xong số tiền 900.000 đồng, thì hàng tháng ông Nguyễn Bá D1, bà Nguyễn Thị Bích D2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An

